

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NIỀM TIN VỮNG CHẮC, CAM KẾT VỮNG BỀN

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.....	6
Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	7
Điều 10. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	8
Điều 11. Thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	8
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	9
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	11
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	12
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	12
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	12
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	13
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	13
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên	14
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành	15
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	15



CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; và các Kiểm soát viên theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước Pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- 3.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - 3.1.1. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - là Công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt, là thành viên của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt;
 - 3.1.2. “**Cổ đông**” có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - 3.1.3. “**Cổ đông lớn**” có nghĩa là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - 3.1.4. “**Cổ phần**” có nghĩa là các phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành Vốn Điều lệ của Công ty;
 - 3.1.5. “**Cổ tức**” có nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản;
 - 3.1.6. “**Điều lệ**” có nghĩa là Điều lệ của Công ty, Điều lệ sửa đổi, bổ sung và các Phụ lục cấu thành của Điều lệ, là bản cam kết của tất cả các cổ đông về thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty;
 - 3.1.7. “**Điều khoản**” có nghĩa là một Điều khoản của Quy chế này;
 - 3.1.8. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - 3.1.9. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

- 3.1.10. “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- 3.1.11. “**Người quản lý công ty/Người quản lý**” có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- 3.1.12. “**Người điều hành công ty/Người điều hành**” có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- 3.1.13. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- 3.1.14. “**Quy chế**” có nghĩa là Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty và các Phụ lục cấu thành của Quy chế này;
- 3.1.15. “**Quản trị Công ty**” là thủ tục và quy trình mà theo đó một công ty được điều hành và kiểm soát. Cơ cấu quản trị công ty quy định rõ việc phân chia quyền lợi và trách nhiệm giữa các đối tượng tham gia khác nhau trong công ty - như Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác - và đặt ra các nguyên tắc và thủ tục cho việc ra quyết định;
- 3.1.16. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 3.2. Trong Quy chế này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
- 3.3. Các tiêu đề (Chương, Điều, Khoản của Quy chế này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Quy chế này.
- 3.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

- 4.1. Quyền của Kiểm soát viên:
- 4.1.1. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- 4.1.2. Quyền được cung cấp thông tin:
- 4.1.2.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu

kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên Hội đồng Quản trị;

- 4.1.2.2 Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị.
- 4.1.2.3 Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên Hội đồng Quản trị;
- 4.1.2.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại Trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;
- 4.1.2.5 Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát;
- 4.1.3. Được nhận thù lao, thưởng và hưởng các lợi ích khác theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này.
- 4.1.4. Các quyền khác theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và của Pháp luật.
- 4.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên
 - 4.2.1. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - 4.2.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - 4.2.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - 4.2.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, quy định Công ty và của Pháp luật.
 - 4.2.5. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định từ điểm 4.2.1 đến điểm 4.2.4 của khoản 4.2 này dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác, thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải được hoàn trả cho Công ty.

- 4.2.6. Nếu phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Ban kiểm soát

- 5.1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Các Kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 5.2. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm, các Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm soát viên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.
- 5.3. Ban Kiểm soát phải có hơn một phần hai (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 5.4. Trường hợp Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Ban Kiểm soát mới, Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

- 6.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 6.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 6.3. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- 6.4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác.
- 6.5. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty và Công ty mẹ; không được là người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.
- 6.6. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của Công ty Chứng khoán khác.
- 6.7. Có trình độ chuyên môn hoặc có hiểu biết về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- 6.8. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

- 6.9. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

- 7.1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 7.2. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- 7.2.1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
- 7.2.2. Yêu cầu Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Thành viên của Ban Kiểm soát;
- 7.2.3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- 7.2.4. Phân công công việc cho các Kiểm soát viên;
- 7.2.5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

- 8.1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử hoặc ứng cử Kiểm soát viên.
- 8.2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
- 8.2.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 8.2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 8.2.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

- 8.2.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 8.2.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Ban Kiểm soát.
- 8.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát đề cử.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 9.1. Việc bầu cử Ban Kiểm soát được thực hiện phương thức bầu dồn phiếu. Trình tự như sau:
- 9.1.1. Mỗi cổ đông khi đăng ký dự họp trước giờ khai mạc được phát Phiếu bầu Ban Kiểm soát với tổng số phiếu (quyền) bầu Ban Kiểm soát bằng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số lượng Kiểm soát viên được bầu.
- 9.1.2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bầu Kiểm soát viên bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát sao cho tổng số phiếu (quyền) bầu Kiểm soát viên trên mỗi Tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu, và/hoặc đại diện nhân với số Kiểm soát viên được bầu.
- 9.1.3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu (quyền) bầu cho một ứng cử viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng).
- 9.1.4. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
- 9.1.5. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Kiểm soát viên cuối cùng của Ban Kiểm soát, thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 9.1.6. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số phiếu và tỉ lệ phiếu hợp lệ, số phiếu và tỉ lệ phiếu không hợp lệ, số phiếu và tỉ lệ phiếu trắng; số phiếu và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên được bầu vào Ban Kiểm soát.
- 9.1.7. Toàn văn Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9.2. Cách thức miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Trường hợp Kiểm soát viên thuộc một trong các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này, thì Đại hội đồng cổ đông tiến hành miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

10.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- 10.1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này và Điều 48 của Điều lệ Công ty;
- 10.1.2. Kiểm soát viên có đơn xin từ chức gửi tới trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- 10.1.3. Tại bất kỳ thời điểm nào, Đại hội đồng cổ đông có quyền miễn nhiệm Kiểm soát viên vì bất kỳ lý do gì;
- 10.1.4. Các trường hợp khác theo quy định tại văn bản nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

10.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- 10.2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- 10.2.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ Công ty, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật;
- 10.2.3. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 10.2.4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 11.1. Thông tin về những người được đề cử vào Ban Kiểm soát phải được công bố trước khi tổ chức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên thì thông tin chi tiết liên quan đến các ứng viên này được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Kiểm soát viên được công bố tối thiểu bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Kiểm soát viên của công ty khác); lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- 11.2. Ứng cử viên Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

- 11.3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo các quy định công bố thông tin áp dụng đối với trường hợp thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ theo các quy định pháp luật hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

- 12.1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát
- 12.1.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- 12.1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo Tài chính;
- 12.1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 12.1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 12.1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi nào xét thấy cần thiết; hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2, Điều 19 của Điều lệ Công ty.
- 12.1.6. Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định khoản 19.2, Điều 19 của Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 

- 12.1.7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 12.1.8. Khi phát hiện có Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả.
- 12.1.9. Trường hợp phát hiện Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm Pháp luật, Điều lệ Công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
- 12.1.10. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 12.1.11. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 12.1.12. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý khác.
- 12.1.13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 12.1.14. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 12.1.15. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
- 12.2. Quyền của Ban Kiểm soát
- 12.2.1. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao khi thấy cần thiết.
- 12.2.2. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 12.2.3. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 12.2.4. Được cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.
- 12.2.5. Được nhận thù lao, thưởng và hưởng các lợi ích khác theo quy định tại Điều 18 của

Quy chế này.

- 12.2.6. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- 12.2.7. Yêu cầu Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- 12.2.8. Thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 24.3.2, khoản 24.2 của Điều lệ Công ty.
- 12.2.9. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 12.2.10. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 50.1 và khoản 50.2, Điều 50 của Điều lệ Công ty.
- 12.2.11. Chứng kiến Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 12.2.12. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt; hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 12.2.13. Thực hiện các quyền khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 13.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên Hội đồng Quản trị;
- 13.2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị.
- 13.3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên Hội đồng Quản trị.
- 13.4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại Trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
- 13.5. Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 14.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- 14.1.1. Số Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số Thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- 14.1.2. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2, Điều 19 của Điều lệ Công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 14.1.3. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng Quản trị không thực hiện.
- 14.2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty (nếu có).
- 14.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 14.1 Điều này sẽ được Công ty thanh toán.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 15.1. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (02) lần.
- 15.2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số Thành viên tham dự.
- 15.3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và



các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 17.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 17.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
- 17.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
- 17.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- 17.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 17.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 17.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- 17.8. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

- 18.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.

- 18.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 18.3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

- 19.1. Kiểm soát viên phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- 19.1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
- 19.1.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
- 19.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 19.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 19.3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 19.4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 19.5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên



Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Kiểm soát viên khác.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng Giám đốc, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị

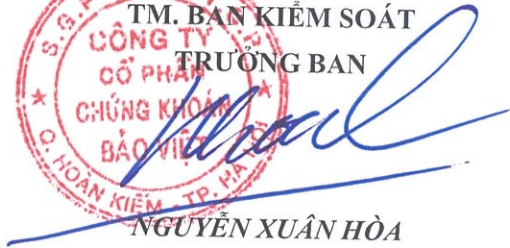
Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng Quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

- 23.1 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt bao gồm bảy (07) chương, hai mươi ba (23) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 04 năm 2021
- 23.2 Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt thông qua.
- 23.3 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật, của Điều lệ Công ty có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật, Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty./.



NGUYỄN XUÂN HÒA

